

Số: 61 /QĐ-MNPH

Tân Bình, ngày 15 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của Trường Mầm non Phú Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về điều chỉnh, phân bổ bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình.

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của trường Mầm non Phú Hòa (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, KT



ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON PHÚ HÒA
Chương : 622

Biểu số 02
Ban hành kèm theo TT số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: 523/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của UBND quận Tân Bình)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	- 34,111
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	- 34,111
3.1	Kinh phí Tam phân bổ dự toán chi thường xuyên	66,563
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- 100,674
3.3	Nguồn cải cách tiền lương	

Tân Bình, ngày 16 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
PHÚ HÒA
Lê Thị Ngọc Thiện

Số: 310 /MNPH
Về việc phân bổ dự toán chi NSNN
năm 2023

Tân Bình, ngày 15 tháng 11 năm 2023.

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về điều chỉnh, phân bổ bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành;

Trường Mầm non Phú Hòa phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 như sau (đính kèm mẫu biểu số 49).

Đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm tra Phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Trường Mầm non Phú Hòa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN QTB;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Ngọc Thiện

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON PHÚ HÒA

Mẫu biểu số 49

Chương: 622



PHẦN B: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Kỳ (tháng) lập: 01/2023; Quyết định số: 523/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND quận Tân Bình)

Chương: 622

Loại: 070

Khoản: 071

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
A	B	1	
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
3.1	Lệ phí		
3.2	Phí		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	-34.111.000	
1	Chi quản lý hành chính		
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-34.111.000	
3.1	Kinh phí tạm phân bổ dự toán chi thường xuyên giao tự chủ vào dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ do chưa phê duyệt phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	66.563.000	
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	66.563.000	
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-100.674.000	
	Sự nghiệp giáo dục phổ thông:	-100.674.000	
	- Chính sách hỗ trợ giáo viên MN theo NQ số 01/2014/NQ-HĐND và NQ01/2021/NQ-HĐND	71.521.000	
	- Chính sách thu hút giáo viên MN theo NQ số 04/2017/NQ-HĐND và NQ04/2021/NQ-HĐND	26.750.000	
	- Phụ cấp thêm giờ		
	- Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho năm học 2022-2023 theo NQ17/2022/NQ-HĐND: Nhà trẻ: 100.000đ/HS Mẫu giáo: 140.000đ/HS THCS: 240.000đ/HS THPT: 180.000đ/HS		
	- Hỗ trợ kinh phí cho hợp đồng, bảo vệ, phục vụ, kế toán: 5 hợp đồng x ML tối thiểu x 12 tháng		
	- Trợ cấp tết, phúc lợi các ngày lễ trong năm, trang phục (7 triệu đồng/ biên chế có mặt tại thời điểm T8/2022)		
	- Giáo viên chưa tuyển	-198.945.000	
3.3	Nguồn cải cách tiền lương		
	- Cân đối từ nguồn của đơn vị		
	- Phân bổ bổ sung		

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
6	Chi sự nghiệp kinh tế		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
			
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1111101	
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chi tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.